

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/DS-ST
Ngày : 29/5/2017
V/v tranh chấp “hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

- * Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Lê Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Trương Tấn Thành
2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam
*** Thư ký phiên tòa:** Ông Đắc Quốc Tuấn - Thư ký Tòa án
*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên
tòa:** Ông Đào Thanh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2016/TLST-DS ngày 02/11/2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐST-DS ngày 24/4/2017, quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-DS ngày 11/5/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1971 (có mặt)
Nơi cư trú: số 31 đường T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Ngọc A - sinh năm 1957 (có mặt)
Ông Trần M - sinh năm 1958 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện T, Bình Thuận.

Ông Trần M ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc A tham gia tố tụng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thanh Đ – sinh năm 1968 (vắng mặt)
Nơi cư trú: 92 C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:** vì chỗ quen biết nên bà H cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc A, ông Trần M vay nhiều lần tiền từ tháng 7/2013 (âm lịch) đến tháng 12/2013, tổng cộng là 930.000.000 đồng trong đó số tiền vay 130.000.000 đồng trả lãi hàng tháng, còn số tiền 800.000.000 đồng vay theo hình thức trả góp hàng ngày. Tính đến ngày 20/6/2015(âm lịch) bà A, ông M đã trả được 373.400.000 đồng, còn nợ lại 556.600.000 đồng. Dù đã đến nói chuyện nhiều lần để yêu cầu trả tiền gốc nhưng vợ chồng bà A, ông M vẫn không trả nợ. Nay bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà A, ông M trả cho bà số tiền 556.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H xác định chỉ yêu cầu bà A, ông M trả nợ 45.000.000 đồng.

*** Theo bản tường trình ngày 19/11/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và là người đại diện cho bị đơn ông Trần M, bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:** Bà A khẳng định không mượn tiền bà H để buôn bán hoặc mua sắm tài sản cho gia đình. Năm 2013 sau khi bà H làm ăn bị giệt hụi, gia đình bà rất khó khăn, lúc đó chồng bà H là em ruột của bà A đang thất nghiệp, không có việc làm nên bà A đồng ý để bà H đem tiền đưa cho bà A để bà chuyển cho người khác lấy lãi. Hình thức cho vay trả gốc, lãi hàng ngày. Cuối năm 2013 người vay tiền thông báo thua lỗ, không có khả năng góp lãi, gốc hàng ngày nữa. Từ năm 2013 đến nay bà A đã thanh toán cho bà H gần đủ số tiền mà bà H đã đưa cho bà A để bà A đưa người khác vay bà H lấy lãi, nay người kia không trả, bà H quay sang khởi kiện bà A buộc trả nợ thì bà A trả nợ là không đồng ý. Bà A xác định còn nợ bà H khoảng 50.000.000 đồng, việc làm ăn giữa bà A và bà H thì ông M, chồng bà A không biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa, bà A xác định bà chỉ còn nợ bà H 45.000.000 đồng, ông M không liên quan đến khoản nợ này vì ông M không biết có việc đưa tiền giữa bà A và bà H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Đ trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:** ông và bà H chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn. Việc bà H vợ ông cho bà A, chị ruột của ông Đ, vay mượn như thế nào ông Đ không biết. Ông chỉ biết sự việc khi bà A không trả được nợ cho vợ ông, số tiền này không liên quan gì đến ông. Nay bà H khởi kiện thì ông không có ý kiến gì.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp xong, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng

trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã đảm bảo cho việc ra quyết định đúng pháp luật; về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà A, ông M trả nợ cho bà H 45.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A, ông Trần M có nơi cư trú tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

[2] Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Đ vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh Đ.

[3] Theo đơn khởi kiện bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà A, ông M trả nợ 556.600.000 đồng, tại phiên tòa bà H xác định chỉ yêu cầu bà A, ông M trả nợ 45.000.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H không vượt quá phạm vi khởi kiện nên Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu khởi kiện của bà H, HĐXX nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hiện rõ bằng văn bản giao dịch giữa các bên, nhưng qua lời khai của những người làm chứng, sự thừa nhận của bị đơn và nguyên đơn đã thể hiện thực tế các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên số tiền giao dịch cụ thể là bao nhiêu thì các bên đương sự không thống nhất. Nay bà A thừa nhận còn nợ bà H 45.000.000 đồng nên bà A phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

[5] Về trách nhiệm liên đới của ông Trần M đối với số nợ của bà A, mặc dù ông M, bà A đều cho rằng ông M không biết gì về việc vay tài sản nhưng sau khi xảy ra tranh chấp, chính ông M, bà A đã thừa nhận vay mượn, chơi huê (hụi) để trả nợ cho bà H. Đồng thời đây là số nợ trong thời kỳ hôn nhân thì ông M vẫn phải cùng chịu trách nhiệm với bà A trả nợ cho bà H.

[6] Về quyền lợi của ông Đ đối với số nợ của bà A, ông M. Bà H và ông Đ chung sống không đăng ký kết hôn hợp pháp. Bà H cho rằng đây là tài sản riêng của bà H. Ông Đ xác định không biết gì về việc bà H cho bà A vay tiền và xác định không có liên quan gì đến số tiền này. Do vậy HĐXX chỉ buộc bà A, ông M trả nợ cho bà H.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà A có khai rằng bà sử dụng tiền của bà H cho bà Cát A vay tuy nhiên bà Cát A xác định không biết bà H và không có giao dịch với bà H. Bà A, bà H cũng đều thừa nhận chỉ có bà A giao dịch với bà Cát A nên HĐXX không đưa bà Cát A tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[8] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận, theo khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, bà A, ông M phải nộp 2.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông M, bà A có đơn xin miễn giảm tiền tạm ứng án phí nên HĐXX xét miễn 50% số án phí phải nộp theo qui định tại Điều 14, khoản 5 Điều 16 Pháp lệnh phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009. Bà A, ông M phải chịu 1.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà H 6.566.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010624 ngày 02/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

- khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 357, Điều 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 2, 6, 7, 7A, 7B, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).
- Điều 14, khoản 5 Điều 16, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc hợp đồng vay tài sản như sau: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, ông Trần M phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị H 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

- Về án phí: Bà A, ông M phải nộp 1.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà H 6.566.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010624 ngày 02/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7A,7B và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2017), ông Nguyễn Thanh Đ vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Tuy Phong;
- Chi cục THADS H. Tuy Phong;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Lê Phương (đã ký)**